TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HNGĐ - ST.
Ngày 30 tháng 12 năm 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2022/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST – HPT ngày 21/12/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu Liên Ch, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu Liên Ch, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ (Hiện nay đang làm việc tại Đài Loan).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị C, sinh năm 1963 và ông Hà Đình H, sinh năm 1963 (là bố, mẹ đẻ anh Hoàng Văn Q).

Địa chỉ: Khu Liên Ch, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Dvà ông H, bà Ccó đơn xin xét xử vắng mặt; anh Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày: Chị và anh Hoàng Văn Q kết hôn ngày 29/01/2008, trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị về làm dâu ngay tại gia đình nhà anh Q, ăn ở chung cùng gia đình khoảng 02 năm thì ra ăn ở riêng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, chị đi lao động tại Đài Loan từ tháng 10/2010 đến tháng 6/2013 về nước sau đó đến tháng 11/2017 chị lại sang Đài Loan Lao động và đến tháng 10/2022 chị về nước cho đến nay. Anh Q sang Đài

Loan làm việc từ tháng 8/2018 cho đến nay chưa về nước. Do vợ chồng xa nhau, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nguyên nhân do hai vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai người sống ly thân từ lâu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị D xác định vợ chồng có hai con chung là Hoàng Hà Khánh L, sinh ngày 06/11/2008 và Hoàng Hà Minh T, sinh ngày 28/9/2016. Hiện nay cháu T đang ở cùng chị và bà Ngoại, còn cháu L đang ở với ông bà nội là ông H, bà C. Sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, còn cháu Lđể anh Qtrực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Trong thời gian anh Qở nước ngoài chị đề nghị tạm giao cháu Lcho ông H, bà C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng: Chị D xin tự nguyện chịu toàn bộ.

- Phía bị đơn anh Hoàng Văn Q hiện đang ở nước ngoài được thể hiện tại công văn số: 23752/QLXNC – P5 ngày 09/11/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 08/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh bộ Công an cung cấp anh Hoàng Văn Q xuất cảnh gần nhất ngày 28/9/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do Chị D không biết địa chỉ của anh Q ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Hà Đình H và bà Hà Thị C (bố mẹ đẻ anh Q) và được ông H, bà C cung cấp như sau: Chị D là con dâu, anh Qlà con đẻ. Về các văn bản tố tụng gia đình đã nhận được, sau khi nhận được đã thông báo cho anh Qqua điện thoại nhưng anh Q không cung cấp địa chỉ của anh Qở nước ngoài nên ông, bà không cung cấp cho Tòa án được nhưng anh Qcó nói lại là đồng ý ly hôn với chị D. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Qvà chị D, nguyên nhân là quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng. Nay Chị Dxin ly hôn anh Q, quan điểm của gia đình là đề nghị giải quyết cho hai cháu ly hôn.

Về con chung: Chị Dvà anh Qcó hai con chung là Hoàng Hà Khánh L, sinh ngày 06/11/2008 và Hoàng Hà Minh T, sinh ngày 28/9/2016. Qua các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của Chị Dthì gia đình nhất trí với quan điểm để Chị Dnuôi cháu Tvà để anh Qnuôi cháu Linh, trong thời gian anh Qđi vắng ông, bà sẽ có trách nhiệm nuôi cháu Lvà giao lại cháu Lcho anh Qnuôi dưỡng khi về nước. Chị Dvà anh Qkhông phải cấp dưỡng nuôi cháu Lcho ông, bà.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Thu C để xác định tình trạng hôn nhân giữa Chị Dvà anh Q.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết 326 của UBTVQH. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị D. Chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: giao cho anh Qnuôi dưỡng cháu Hoàng Hà Khánh L, SN 06/11/2008; tạm giao cho ông H, bà Cchăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ltrong thời gian anh Q đi lao động ở nước ngoài. Giao cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Hà Minh T, SN 28/9/2016. Kể từ khi ly hôn đến khi cháu Tthành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các đương sự đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Dphải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D nộp đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn Q tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, Chị D trình bày hiện anh Q đang ở nước ngoài. tại công văn số: 23752/QLXNC – P5 ngày 09/11/2022 và danh sách khách xuất nhập cảnh ngày 08/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh bộ Công an cung cấp anh Hoàng Văn Q xuất cảnh gần nhất ngày 28/9/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này anh Qkhông có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị Dcó đơn xin giải quyết vắng mặt, ông H và bà Ccó đề nghị được vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, ông H, bà C.

- Chị Dđề nghị xin ly hôn với anh Qvà chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Qở Việt Nam, mà không cung cấp được địa chỉ của anh Qở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của anh Qlà ông H, bà Cđể nhờ gia đình tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Qở nước ngoài, ông H và bà Cđã liên lạc qua điện thoại cho anh Qvề các văn bản tố tụng của Tòa án gửi nhưng anh Qkhông cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Qở nước ngoài nên ông H, bà Ckhông cung cấp địa chỉ được cho Tòa án. Như vậy, anh Qđã cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết nên căn cứ công văn số: 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thì đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn Q trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 29/01/2008 tại UBND xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn có đầy đủ điều kiện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống Chị Dvà anh Qxảy ra mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân hai vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống được thể hiện qua lời khai của chị D, ông H, bà Cvà biên bản làm việc tại UBND xã Thu C. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa Chị Dvà anh Qđã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho Chị Dđược ly hôn anh Qlà phù hợp với khoản 1 Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Dvà anh Qcó hai con chung là Hoàng Hà Khánh L, sinh ngày 06/11/2008 và Hoàng Hà Minh T, sinh ngày 28/9/2016. Hiện nay cháu Tđang ở cùng Chị Dvà bà Ngoại, còn cháu Lđang ở với ông bà nội là ông H, bà C. Khi ly hôn Chị Dcó nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, còn cháu Lđể anh Qtrực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, trong thời gian anh Qở nước ngoài Chị Dđề nghị tạm giao cháu Lcho ông H, bà Cđược trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của Chị Dlà chính đáng và nguyện vọng này phù hợp với nguyện vọng của cháu Linh. Bản thân ông H, bà Ccũng nhất trí với nguyện vọng của chị D. Do vậy, cần giao cho chị Hoàng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Hà Minh T và anh Qđược trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Hà Khánh L. Trong thời gian anh Qở nước ngoài thì ông H, bà Cvẫn tiếp tục nuôi cháu Lđến khi anh Qvề nước là phù hợp. Chị Dvà anh Qkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét vì Chị Dchưa đề nghị giải quyết

- Về án phí: Chị Dchịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 81,82,83 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Hà Minh T, sinh ngày 28/9/2016.

Giao cho anh Hoàng Văn Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Hà Khánh L, sinh ngày 06/11/2008.

Trong thời gian anh Qở nước ngoài ông H, bà Ccó trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lđến khi anh Qvề nước, sẽ bàn giao lại cháu Lcho anh Qnuôi dưỡng. Chị Dvà anh Qkhông phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị Dđã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000343 ngày 27/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị D, ông H, bà Ccó quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Qlà 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thu C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hà Giang